

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 9 - 7 - 2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kiệm và bà Lê Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 9 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị C, sinh năm 1991;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Nơi ở hiện nay: Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn 4, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa: Có mặt chị C; anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2019 bản tự khai, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị C và anh Trần Văn T lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam vào ngày 30/01/2012.

Theo chị C trình bày: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng do trong cuộc sống hằng ngày anh T thường xuyên uống rượu, bê tha mà không chịu làm

ăn, giúp đỡ gì cho vợ con, chị C đã nhiều lần khuyên ngăn anh T không uống rượu để tu chí làm ăn nhưng anh T không thay đổi. Chị C vừa phải đi làm lo kinh tế, vừa phải nuôi dạy con cái, chăm lo cuộc sống gia đình nhưng anh T vẫn đánh chửi chị dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ đầu năm 2014, chị C bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân nhau cho đến nay, không an quan tâm đến ai. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Theo anh T, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng do thỉnh thoảng anh đi uống rượu cùng bạn bè thì chị C càu nhàu dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau. Từ đầu năm 2014 đến nay, chị C bỏ đi, vợ chồng sống ly thân nhau, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị C.

- *Về con chung*: Chị C và anh T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Văn A, sinh ngày 27/10/2012. Hiện nay cháu A đang ở cùng anh T và ông nội cháu là ông Trần Văn T1 tại địa chỉ thôn 4, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Theo ý kiến của chị C cho rằng anh T không đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A vì anh T nghiện rượu và đánh chửi cháu A làm ảnh hưởng lớn đến tâm lý và cuộc sống của cháu. Mặt khác, chị C đã có công việc, thu nhập ổn định và chị đang ở cùng bố mẹ đẻ, ông bà sẽ cũng chăm sóc cháu A. Vì vậy, chị C xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Theo anh T, cháu A đang ở cùng anh và gia đình cuộc sống rất tốt, hiện nay anh làm nghề lao động tự do, có thu nhập nên đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Vì vậy, anh T đề nghị Tòa án giao cháu A cho anh được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác*: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh T không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh Trần Văn T. Về con chung: Chị C xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Văn A và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp

luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị C và anh Trần Văn T. Về con chung: Giao cháu Trần Văn A, sinh ngày 27/10/2012 cho chị Phạm Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi; anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phạm Thị C. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị C và anh Trần Văn T lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam vào ngày 30/01/2012 theo đúng quy định của pháp luật.

Vợ chồng chị C, anh T chung sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn trong lối sống, sinh hoạt hằng ngày dẫn đến thường xuyên xảy ra xô xát, đánh chửi nhau. Chị C, anh T đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2014 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án chị C và anh T đều có quan điểm nhất trí ly hôn, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị C và anh Trần Văn T phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị C và anh T có 01 con chung là cháu Trần Văn A, sinh ngày 27/10/2012. Hiện nay cháu A đang ở cùng anh T và ông nội cháu là ông Trần Văn T tại thôn 4, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Hội đồng xét xử nhận định trong vụ án các đương sự đều có nguyện vọng được nuôi con chung là chính đáng. Xét về điều kiện chỗ ở hiện nay, chị C và anh T đều đang sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ, nếu được nuôi con hai bên gia đình cùng hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về điều kiện kinh tế, chị C đang làm việc tại công ty TNHH Pretty Vina, thu nhập ổn định với mức lương cơ bản là 3.670.100 đồng/tháng và tiền phụ cấp, tiền thưởng tại công ty. Anh T trình bày hiện lao động tự do, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 4.000.000 đồng, tuy nhiên anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng

minh mức thu nhập của anh. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai của chị C, anh T và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương đều xác định, trong cuộc sống hằng ngày anh T thường xuyên uống rượu làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu A; hơn nữa cháu Văn A đã trên 07 tuổi, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ khi chị C, anh T ly hôn.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Anh, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, tinh thần cũng như theo nguyện vọng của cháu A. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Văn A cho chị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và các quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị C phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị C và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Văn A, sinh ngày 27/10/2012 cho chị Phạm Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phạm Thị C.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị C phải nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, đối trừ tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp

300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2010/0003640 ngày 10 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Nam. Chị Phạm Thị C đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS L;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy